TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 281/2022/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 18 tháng 5 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2022

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 96/2022/HNST ngày 08/3/2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", giữa:

Người yêu cầu:

1/ Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm 1976;

2/ Ông Lê Thanh T, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: đường A, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T và bà Hồ Thị Kim T thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128/2012, Quyển số 01/2012 đăng ký ngày 04/9/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ theo quy định pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn, được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa bà T và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Ông bà đã cùng nhau khắc phục, sửa chữa nhưng không thành.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà T và ông T không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 235, Quyển số 02 ngày 18/8/2003 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và Bản sao Giấy khai sinh số 388/2012, Quyển số 02/2012 của Ủy ban nhân phường C, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Lê Thanh T và bà Hồ Thị Kim T, ông bà có 02 (hai) con chung là trẻ Lê M (nam), sinh ngày 03/6/2003 (đã trưởng thành) và Lê H (nam), sinh ngày 16/10/2012; Sau khi ly

hôn, ông bà thỏa thuận giao trẻ Lê H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông T cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng.

Thi hành cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 10 (Dương lịch) hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ tháng 6/2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Lê Thanh T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên; vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung

[5] Về lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Lê Thanh T và bà Hồ Thị Kim T tự nguyện chịu. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Thanh T và bà Hồ Thị Kim T thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128/2012, Quyển số 01/2012 đăng ký ngày 04/9/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường C, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Căn cứ Bản sao Giấy khai sinh số 235, Quyển số 02 ngày 18/8/2003 của Ủy ban nhân dân xã D, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp và Bản sao Giấy khai sinh số 388/2012, Quyển số 02/2012 của Ủy ban nhân phường C, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; cùng lời thừa nhận của ông Lê Thanh T và bà Hồ Thị Kim T, ông bà có 02 (hai) con chung là trẻ Lê M (nam), sinh ngày 03/6/2003 (đã trưởng thành) và Lê H (nam), sinh ngày 16/10/2012; Sau khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao trẻ Lê H cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung; ông T cấp dưỡng nuôi con 10.000.000 (Mười triệu) đồng/tháng.

Thi hành cấp dưỡng vào ngày 01 đến ngày 10 (Dương lịch) hàng tháng. Bắt đầu thi hành từ tháng 6/2022 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Lê Thanh T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên; vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá

nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0014096 ngày 08 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Thanh T và bà Hồ Thị Kim T đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Tp. HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

THẨM PHÁN

Lê Thuần Phong